TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 **ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 28-01-2026.
V/v "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Chính.

Ông Đoàn Minh Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 261/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/ĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Thanh P, sinh năm 1994.
Địa chỉ: ấp B, xã G, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.
Địa chỉ: ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(*nguyên đơn xin vắng mặt; bị đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn anh Phan Thanh P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh P trình bày:***

Qua tìm hiểu, anh P và chị Nguyễn Thị H tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh P và chị H chung sống từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 03/6/2016. Sau khi kết hôn anh P và chị H sống chung với bên gia đình của anh P tại ấp B, xã G, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì anh P và chị H phát sinh mẫu nguyên nhân do chị H có tình cảm với người đàn ông khác. Chị H đã bỏ đi từ cuối năm 2024, anh P và chị H

sống ly thân cho đến nay. Hiện anh P cảm thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh P yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Nguyễn Trà M, sinh ngày 09/3/2015 và Phan Nguyễn Trà V, sinh ngày 18/11/2017. Hiện cháu M và cháu V đang sống chung với anh P. Khi ly hôn, anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và cháu V, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình tố tụng chị H có bản tự khai ngày 07/01/2026 trình bày như sau: Chị H sống chung với anh P 11 năm, quá trình chung sống có mâu thuẫn, nay anh ly hôn chị H đồng ý ly hôn, có hai đứa con chung tên Phan Nguyễn Trà M, sinh năm 2015, Phan Nguyễn Trà V, sinh năm 2017, thống nhất cho cha nuôi, tài sản chung không có, nợ chung không có.

Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

Tại phiên tòa:

Anh P xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Chị H xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên lời trình bày tại bản tự khai ngày 07/01/2026.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Phan Thanh P yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị H, yêu cầu nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp ly hôn, về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn anh Phan Thanh P và chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Thanh P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: Anh chị cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 03/6/2016 (nay là xã G, tỉnh Đồng Tháp). Như vậy, hôn nhân của anh P và chị H là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng anh P và chị H quá trình chung sống có mâu thuẫn, chị H đồng ý ly hôn với anh P. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh P và chị H.

[3.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Nguyễn Trà M, sinh ngày 09/3/2015 và Phan Nguyễn Trà V, sinh ngày 18/11/2017. Cháu V và cháu M hiện đang sống chung với anh P, khi ly hôn anh P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Hai cháu M và cháu V có nguyện vọng muốn sống với anh P, chị H cũng đồng ý giao hai cháu M và V cho anh P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, nhằm đảm bảo cuộc sống của các cháu cần giao cháu M và cháu V cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Anh P và chị H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Anh P và chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thanh P.

1. Về tình cảm: Anh Phan Thanh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Nguyễn Trà M, sinh ngày 09/3/2015 và Phan Nguyễn Trà V, sinh ngày 18/11/2017 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu M và cháu V đủ 18 tuổi, lao động được.

Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Anh Phan Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003323 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên P đã nộp xong.

4. Anh P và chị H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Gia Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thị Kiều Oanh